|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỈNH ỦY HẬU GIANG** |  | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
| \* |  |  |
| Số -BC/TU*Dự thảo* |  | *Hậu Giang, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019**

**của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia**

**cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư *(viết tắt là Nghị quyết số 52-NQ/TW)*; Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư *(viết tắt là Chương trình số 257-CTr/TU)*; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, mức độ chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn thấp. Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội; hệ thống đổi mới sáng tạo của tỉnh mới được hình thành, chưa đồng bộ và hiệu quả.

**II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW**

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 257-CTr/TU ngày 30/12/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 20/3/2020 về việc thực hiện Chương trình số 257-CTr/TU. Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo**[[[1]](#footnote-1)]**.

Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt đầy đủ, nghiêm túc Nghị quyết số 52-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Qua 5 năm, tỉnh Hậu Giang tuyên truyền, phổ biến quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị đã nhận thức vị trí, vai trò và ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 05 NĂM TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 52-NQ/TW**

**1. Kết quả cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, thực hiện mục tiêu đề ra về chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Xây dựng hạ tầng thông tin quốc gia hiện đại, đồng bộ, liên thông; kết nối băng thông rộng, chất lượng cao đến tất cả các xã, phường, thị trấn, cơ sở giáo dục; kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương:

- 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có kết nối Internet và
mạng nội bộ (LAN). 100% cán bộ, công chức tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được trang bị máy tính.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước đã triển khai đến các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã được sử dụng để đảm bảo hoạt động của Trung tâm dữ liệu, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại ba cấp chính quyền và các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành.

- Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh đi vào hoạt động từ
tháng 10 năm 2020, bước đầu có những kết quả tích cực, góp phần hoàn thiện hạ
tầng cho Chính quyền điện tử và đô thị thông minh, cung cấp thông tin trực quan
về hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng của tỉnh, hỗ trợ cho các cơ quan chức năng trong hoạt động quản lý, kiểm soát và cung ứng dịch vụ đô thị thông minh.

- Dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây được thuê để triển khai tất cả các ứng dụng dùng chung của tỉnh. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hoạt động thông suốt, gồm 15 máy chủ vật lý và 40 máy ảo đóng vai trò sao lưu cho các ứng dụng, phần mềm, cơ sở dữ liệu của tỉnh, đảm bảo khả năng khôi phục hoạt động của các ứng dụng khi có sự cố.

- Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP), bao gồm 4 dịch vụ: Quản lý văn bản, Dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội tỉnh. Hệ thống xác thực dùng chung (SSO) phục vụ việc đăng nhập một lần các hệ thống: thư điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử, hệ thống quản lý văn bản, hệ thống trang thông tin điện tử và một số dịch vụ đô thị thông minh: Ứng dụng Hậu Giang, Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội.

- Triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị tổng thể nhằm hỗ trợ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Kết quả, 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh từ cấp tỉnh đến cấp xã đang sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành - là nền tảng quản trị công việc tổng thể thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh.

Tỉnh Hậu Giang đã thành lập Khu công nghệ số và đi vào hoạt động chính thức từ năm 2023. Đến nay có 08 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động với hơn 300 người đang làm việc. Đây là nơi thu hút các doanh nghiệp công nghệ số hoạt động, tạo tiền đề cho sự phát triển hệ sinh thái công nghệ số trên địa bàn tỉnh, góp phần vào sự hình thành nguồn lực tri thức số, phát triển kinh tế số và phục vụ chiến lược an ninh mạng quốc gia nói chung và tỉnh Hậu Giang nói riêng.

**2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhóm chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư trong Nghị quyết số 52-NQ/TW**

*2.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

Ban hành các văn bản: Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hậu Giang, phiên bản 2.0; Thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025; về Quy hoạch đào tạo sau đại học và thu hút nguồn nhân lực; thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang; kiện toàn Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Hậu Giang; ban hành Quy chế hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Hậu Giang.

Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị chú trọng nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Tuyên truyền thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Trong đó, tăng cường các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, trang bị kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin tới toàn thể người sử dụng Internet; phổ biến các hoạt động trang bị kỹ năng cho các nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội.

Phát triển thanh toán điện tử không dùng tiền mặt, bưu chính công ích và chứng thực điện tử; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, phòng, chống mã độc tại cơ quan, đơn vị.

*2.2. Quan tâm công tác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ và huy động các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số*

Để làm chủ, tự chủ công nghệ, sản phẩm, dịch vụ đủ khả năng chủ động tiếp cận cuộc Cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, Tỉnh đã kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, thường xuyên tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp nhằm tìm kiếm các ý tưởng, giải pháp khởi nghiệp xuất sắc phục vụ lợi ích quốc gia**[[[2]](#footnote-2)]**.

Thời gian qua, Tỉnh đã tổ chức 03 cuộc thi khởi nghiệp. Kết quả cuộc thi đã có 381 dự án, ý tưởng đăng ký tham dự. Đối tượng chính là: Học sinh, đoàn viên thanh niên, cơ sở kinh doanh, nông dân,… thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực công nghệ và công nghệ thông tin.

*2.3. Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất và đời sống*

Triển khai thực hiện nghiên cứu 15 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án) trong lĩnh vực nông nghiệp. Trong đó, tập trung vào các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh như: Lúa, nấm ăn, mít, khóm, xoài, bưởi da xanh, lươn đồng,… nhằm khai thác và phát triển nguồn gen quý hiếm, các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong canh tác nhằm góp phần phát triển nông - lâm - thủy sản và khai thác hiệu quả tiềm năng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh.

Triển khai thực hiện giải pháp phát triển bền vững đàn heo ở tỉnh Hậu Giang: Kết quả của đề tài sẽ góp phần không nhỏ vào việc xác định và đánh giá các tác nhân gây bệnh dịch tả heo Châu Phi (ASF) và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác trên đàn heo từ đó xây dựng các biện pháp phòng và trị bệnh, quản lý hiệu quả trên đàn heo nuôi, nâng cao giá trị về nâng suất và chất lượng cho sản phẩm từ con heo tại tỉnh Hậu Giang. Kết quả nghiên cứu sẽ đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của người chăn nuôi. Thông qua báo cáo chuyên đề, trao đổi trực tiếp giúp cho người chăn nuôi nắm được: Biện pháp phòng và trị bệnh, quản lý bệnh ASF và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác hiệu quả trên đàn heo nuôi tại Hậu Giang một cách hiệu quả.

Điều tra cơ bản, đánh giá thực trạng đa dạng sinh học Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng và xác định các vấn đề ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học: Cung cấp được các dữ liệu cơ bản đầy đủ của 10 nhóm loài, bao gồm: Thực vật bậc cao, nấm, động vật đất, nhện, côn trùng, thân mềm, tảo, động vật đáy, cá và chim. Bộ cơ sở dữ liệu này bao gồm tên khoa học, hình ảnh, tọa độ bắt gặp và cả về số lượng loài và cá thể. Ứng dụng GIS trong việc xác định vị trí điều tra đa dạng sinh học, các dữ liệu này cũng sẽ được áp dụng để giám sát, quan trắc sự biến động về đa dạng sinh học trong tương lai, góp phần bảo vệ sự đa dạng sinh học của Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng.

Tỉnh nhận chuyển giao những kết quả nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản, chế biến các loại nông sản bưởi da xanh, chanh không hạt; bưởi năm roi; cam xoàn; cam sành; xoài cát Hòa Lộc,… và chuyển giao thông qua xây dựng mô hình bảo quản tại 01 Hợp tác xã và 01 doanh nghiệp; mô hình chế biến và bảo quản sản phẩm trái cây sấy dẻo: Mãng cầu Hậu Giang, xoài Đài Loan và mít sấy dẻo; mô hình chế biến trái cây, bột nông sản cao cấp (sấy đông khô khóm, mít; bột rau má và cần tây). Chuyển giao quy trình công nghệ chiết xuất tinh dầu bạc hà chanh sả cho các hợp tác xã, doanh nghiệp trong tỉnh bước đầu đã đem lại hiệu quả cao, giảm thất thoát sau thu hoạch và gia tăng giá trị kinh tế.

*2.4. Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*

Tỉnh có Trung tâm dữ liệu tỉnh cung cấp hạ tầng phục vụ vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông vận hành: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng di động Hậu Giang; Hệ thống họp không giấy,... Tỉnh đang đầu tư và sắp đưa vào sử dụng mạng diện rộng của tỉnh kết nối tất cả các cơ quan nhà nước thuộc ba cấp chính quyền của tỉnh.

*2.5. Phát triển nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*

Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân tham gia vào quá trình chuyển đổi số tại địa phương. Toàn tỉnh có 525 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 2.863 thành viên đang là lực lượng nòng cốt để thúc đẩy xã hội số của tỉnh.

Đẩy mạnh đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực công nghệ thông tin tỉnh đủ năng lực và trình độ khai thác các hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin phục vụ triển khai Chính quyền điện tử, đô thị thông minh**[[[3]](#footnote-3)]**.

*2.6. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các ngành, lĩnh vực trọng điểm*

Việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trong tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh**[[[4]](#footnote-4)]** góp phần hiện đại hóa cải cách hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tại địa phương.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống thông tin dung chung của tỉnh như: Quản lý văn bản, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh,...

Tập trung vào nhóm các nhiệm vụ của ngành trong triển khai các dịch vụ công trực tuyến theo Đề án 06; phối hợp, hỗ trợ khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lưu trữ, quản lý các dữ liệu liên quan đến công dân, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phối hợp Công an tỉnh đảm bảo an toàn thông tin, kết nối của các hệ thống thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo yêu cầu của Bộ Công an.

Hiện nay, có 100% doanh nghiệp đã triển khai hóa đơn điện tử; 100% khai báo thuế điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng, ví điện tử.

Tỉnh cũng đang xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thiết yếu như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, đất đai, môi trường, du lịch, xây dựng,…

**3. Những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện nhiệm vụ trong Nghị quyết số 52-NQ/TW thời gian qua và nguyên nhân**

***3.1. Tồn tại, hạn chế***

Quá trình chuyển đổi số của tỉnh còn chậm, thiếu chủ động do hạ tầng phục vụ quá trình chuyển đổi số còn nhiều hạn chế; Nhiều doanh nghiệp còn bị động, năng lực tiếp cận, ứng dụng, phát triển công nghệ hiện đại còn thấp. Kinh tế số có quy mô còn nhỏ. Việc đấu tranh với tội phạm, bảo đảm an toàn an ninh mạng còn nhiều thách thức.

Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong các cơ quan nhà nước.

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế. Sự tham gia sử dụng nền tảng số, công nghệ số, mô hình chính quyền số của người dân còn thấp. Do đó, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến còn thấp, chưa thực chất và hiệu quả chưa cao.

Chất lượng triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh tại một số đơn vị đạt hiệu quả chưa cao. Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn còn ít về số lượng và quy mô đầu tư.

Tỉnh chưa thành lập tổ chức nghiên cứu về khoa học công nghệ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư cũng như trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tỉnh chưa đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

***3.2. Nguyên nhân***

Ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên chưa bố trí đầu tư thỏa đáng cho các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị.

Người dân nông thôn chiếm hơn 80% dân số nên trình độ, ý thức, kỹ năng công nghệ số của người dân còn hạn chế nên chưa góp phần tích cực với chính quyền trong công tác chuyển đổi số.

Nguồn nhân lực chất lượng cao trong các cơ quan nhà nước còn thiếu trong khi chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh chưa phát huy hiệu quả nên chưa thu hút, tuyển dụng được lực lượng theo yêu cầu.

**4. Phương hướng**

Tập trung nguồn lực để triển khai nhanh, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 02/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030.

Thu hút doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài nước đầu tư vào Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, các kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật thông tin cá nhân trên môi trường số.

Ưu tiên chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực trọng điểm như: Nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ 4.0 tạo đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục thúc đẩy đầu tư, nâng cấp trung tâm dữ liệu cung cấp các dịch vụ phục vụ chính quyền, người dân và doanh nghiệp. Đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, mạng diện rộng, đường truyền Internet, nguồn điện năng ổn định, đảm bảo sự kết nối liên tục và thông suốt.

Tập trung đầu tư hệ thống đào tạo nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng kịp thời nhu cầu doanh nghiệp. Đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người lao động tại các khu công nghệ số bằng việc đầu tư nhà ở xã hội, thiết chế công đoàn liền kề khu công nghệ số, áp dụng linh hoạt các hình thức thuê, mua.

Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thật sự minh bạch và thông thoáng là vấn đề được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm được thể hiện thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Để từng bước cải thiện nâng cao các chỉ số này cần triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng các chỉ số, tiếp tục nâng cao các chỉ số tăng điểm, phấn đấu chỉ số PCI, PAPI của tỉnh tăng hạng và nằm trong nhóm điều hành “khá, tốt” so với cả nước. Hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở phải chuyển từ trạng thái quản lý sang trạng thái phục vụ, nói đi đôi với làm; giảm thời gian về thủ tục hành chính.

Hỗ trợ một số doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu có năng lực làm chủ và sáng tạo về giải pháp công nghệ để phát triển giải pháp an toàn thông tin mạng trọng điểm. Hỗ trợ phát triển 02 nhóm doanh nghiệp an toàn thông tin mạng chủ đạo: Nhóm doanh nghiệp lớn có tiềm lực đóng vai trò dẫn dắt thị trường; nhóm doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có các ý tưởng, giải pháp xuất sắc.

Xây dựng hạ tầng Khu công nghệ số tỉnh bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để nhanh chóng mời gọi các nhà đầu tư thứ cấp.

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Hướng dẫn, hỗ trợ Tỉnh xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh Hậu Giang.

- Giới thiệu các doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài nước đầu tư tại Khu Công nghệ số tỉnh.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tưtrên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:- VP Trung ương Đảng (để báo cáo),- Ban Kinh tế Trung ương (để báo cáo),- Các đồng chí Trung ương phụ trách địa bàn,- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ tỉnh,- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,- Các ban, sở, ngành, mặt trận, đoàn thể tỉnh,- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, - Lưu VPTU. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**PHÓ BÍ THƯ**Trần Văn Huyến** |

1. **[]** Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 02/12/2020 của về xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 xây dựng Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/4/2021 về xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 29/10/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 19/10/2022 về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. **[]** Cụ thể:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 08/5/2017 về khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, sử dụng kinh phí và quy định mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 về việc ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2024; Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-2)
3. **[]** Hoàn thành tổ chức lớp các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực công nghệ thông tin với 17 lớp, 961 lượt học viên, kinh phí thực hiện 1,2 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. **[]** Các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, xã được trang bị hệ thống Một cửa điện tử hiện đại; phần mềm Một cửa điện tử được liên thông giữa các cấp xã, cấp huyện và tỉnh; tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet ngày càng tăng. [↑](#footnote-ref-4)